

Số: 23/BC-THPNX

Điện Bàn Đông, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO CÔNG KHAI
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT)

Trường Tiểu học Phạm Như Xương xin thông báo công khai các nội dung sau đây, nhằm đảm bảo minh bạch, tạo điều kiện cho phụ huynh, học sinh và các bên liên quan giám sát hoạt động của nhà trường:

I. CÔNG KHAI VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

1. Cơ cấu tổ chức của nhà trường

Trường Tiểu học Phạm Như Xương được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04 tháng 07 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Điện Bàn Đông về việc thành lập trường Tiểu học Phạm Như Xương thuộc UBND phường Điện Bàn Đông;

Trường Tiểu học Phạm Như Xương là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng, chịu sự quản lý chuyên môn của Phòng Văn hoá-Xã hội phường Điện Bàn Đông và Sở GD&ĐT thành phố Đà Nẵng.

Bộ máy tổ chức gồm:

Thành phần	Số lượng/ Ghi chú
Ban Giám hiệu	01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng
Hội đồng trường	09 thành viên
Các tổ chuyên môn	05 tổ (Khối 1, Khối 2, Khối 3, Khối 4, Khối 5)
Tổ Văn phòng	01 tổ (gồm kế toán, thư viện, văn thư, bảo vệ, tạp vụ)
Các đoàn thể	Chi bộ Đảng, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh
Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Đại diện CMHS toàn trường, thành lập theo quy định

Nhà trường tổ chức và hoạt động theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quy chế tổ chức và hoạt động được UBND phường phê duyệt.

2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Thành phần	Số lượng (người)	Trình độ đạt chuẩn (%)	Trên chuẩn (%)
Cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng)	03	100	33,3
Giáo viên trực tiếp giảng dạy	43	100	2,3
Nhân viên (văn thư, kế toán, thư viện)	03	100	0
Nhân viên (bảo vệ, tạp vụ)	02		
Tổng cộng	51	100 (49 CBGVNV)	

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4% đạt trình độ trên chuẩn (từ thạc sĩ trở lên).

100% giáo viên có chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản.

Đội ngũ nhà giáo và CBQL có phẩm chất đạo đức tốt, tận tâm, có năng lực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

3. Số lượng lớp và học sinh năm học 2025–2026

Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	Số nữ	Bình quân HS/lớp
Khối 1	6	204	103	34,0
Khối 2	5	178	90	35,6
Khối 3	6	200	91	33,3
Khối 4	6	199	99	33,2
Khối 5	5	171	87	34,2
Tổng cộng	28 lớp	952 HS	470 nữ	34 HS/lớp

Quy mô trường năm học 2025–2026 gồm 28 lớp với 952 học sinh, trong đó 470 học sinh nữ, chiếm 49,4% tổng số.

Bình quân 34 học sinh/lớp, đảm bảo theo quy định về sĩ số lớp của cấp tiểu học.

Duy trì ổn định quy mô học sinh giữa các khối; không có học sinh bỏ học hoặc lưu ban.

Tỷ lệ huy động học sinh đúng độ tuổi đạt 100%; tiếp tục giữ vững chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2.

100% học sinh trong độ tuổi tiểu học được đến trường, không có học sinh bỏ học hoặc lưu ban.

Duy trì vững chắc chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2.

4. Danh hiệu thi đua, khen thưởng

Tập thể/ Cá nhân	Danh hiệu – Hình thức khen thưởng	Cấp công nhận	Năm/ Năm học
Tập thể trường			2025–2026
Chi bộ nhà trường	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Đảng ủy phường Điện Bàn Đông	2025
Liên đội TNTP Hồ Chí Minh	Liên đội xuất sắc	Hội đồng Đội phường	2025–2026
Sáng kiến kinh nghiệm	Đạt 13 SKKN cấp phường	UBND phường	2025–2026

5. Kết quả kiểm định chất lượng và chuẩn quốc gia

Nội dung	Cấp độ/ Mức độ đạt được	Năm công nhận	Cơ quan công nhận
Trường đạt chuẩn quốc gia	Mức độ 2	2014	UBND thị xã Điện Bàn
Thư viện trường học	Đạt chuẩn “Thư viện Tiên tiến”	2020	Sở GD&ĐT Quảng Nam
Kế hoạch kiểm định chu kỳ mới	Thực hiện trong năm học 2025–2026	—	—

6. Tình hình quản lý, điều hành

Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, công khai trong quản lý, tài chính và nhân sự.

Áp dụng phần mềm Quản lý trường học trực tuyến, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.

Tăng cường chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy và báo cáo thống kê.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá nội bộ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả hoạt động.

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Trường Tiểu học Phạm Như Xương có cơ cấu tổ chức hợp lý, đội ngũ đủ về số lượng và mạnh về chất lượng, duy trì quy mô lớp – học sinh ổn định, hoạt động đúng quy định pháp luật; được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3; là một trong những đơn vị dẫn đầu của địa phương về chất lượng giáo dục và quản lý trường học.

II. CÔNG KHAI VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh đầu cấp năm học 2025–2026

Chỉ tiêu tuyển sinh khối 1: 200 học sinh

Số học sinh đăng ký: 202 em

Số học sinh trúng tuyển: 202 em (đạt 101% chỉ tiêu)

Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh đúng tuyển theo kế hoạch; xét tuyển trực tuyến kết hợp xác minh hồ sơ cư trú, độ tuổi theo quy định.

Đảm bảo 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn được huy động vào lớp 1, không có học sinh bỏ sót hoặc nhập học muộn.

2. Kết quả giáo dục năm học 2025–2026

Nội dung đánh giá	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Học sinh hoàn thành chương trình lớp học	949 / 952	99,7
Học sinh đánh giá năng lực “Tốt – Đạt”	952 / 952	100
Học sinh đánh giá phẩm chất “Tốt – Đạt”	952 / 952	100
Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học (Khối 5)	170/170	100
Học sinh được khen thưởng cuối năm học	592/ 952	62,2

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình và đạt yêu cầu về phẩm chất, năng lực duy trì ở mức cao, vượt chuẩn phổ thông.

100% học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học.

Tỷ lệ học sinh được khen thưởng các hội thi, khen thưởng, động viên cuối năm đạt gần 75%, thể hiện phong trào thi đua học tập tích cực.

Không có học sinh bỏ học, vi phạm đạo đức nghiêm trọng hoặc vi phạm nội quy trường học.

3. Kết quả thi, hội thi các cấp

a. Cấp Quốc gia, cấp Tỉnh, cấp phường:

Trong năm học 2025–2026, học sinh Trường Tiểu học Phạm Như Xương đạt nhiều thành tích nổi bật:

Tên hội thi/sân chơi	Cấp thi	Kết quả đạt được
Trạng Nguyên Tiếng Việt	cấp TP/ phường	01 giải Ba và 01 giải Khuyến khích cấp thành phố; 01 giải Bạc, 03 giải Ba và 07 giải khuyến khích cấp phường
Đấu trường VioEdu tổng hợp	cấp TP/ phường	02 giải Bạc, 02 giải Đồng và 03 giải Khuyến khích cấp thành phố; 03 giải Vàng, 02 giải Bạc ,02 giải Đồng 03 giải Ba và 01 giải khuyến khích cấp phường.
Đấu trường VioEdu Tiếng Anh	cấp TP/ phường	02 giải Khuyến khích cấp thành phố ; 04 giải Vàng, có 02 giải Bạc, 05 giải đồng và 01 giải Khuyến khích cấp phường.

Tên hội thi/sân chơi	Cấp thi	Kết quả đạt được
Violympic (Toán – TV – TA – Lịch sử – Địa lý)	Quốc gia /TP/ phường	+ Cấp Quốc gia: 01 giải Đồng, 06 giải Khuyến khích + Cấp thành phố: 08 giải Vàng, 25 giải Bạc; 25 giải Đồng và 12 giải Khuyến khích + Cấp phường: 03 giải Vàng, 04 giải Bạc; 08 giải Đồng; 05 giải Khuyến khích
Sân chơi Kỹ năng sống	Quốc gia /TP/ phường	+ Cấp Quốc gia: có 02 giải Khuyến khích. + Cấp Tỉnh: 01 giải Vàng, 04 giải Bạc, 07 giải Đồng, 01 giải Khuyến khích. + Cấp phường: 04 giải Bạc và 01 giải Đồng
IOE Tiếng Anh trên Internet	Phường	+ Cấp TP: có 05 giải Khuyến khích. + Cấp phường: 01 giải nhì, 3 giải Ba và 3 giải KK
Giải Thể thao học sinh (bơi lội, cờ vua, điền kinh, bóng đá)	Phường	01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc, 03 huy chương Đồng môn bơi lội; 02 huy chương Đồng môn cờ vua; 02 huy chương Đồng môn cầu lông
Cuộc thi “Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường” lần thứ III năm 2026	Cấp TP/ phường	Đạt giải Nhất cấp phường, giải Khuyến khích cấp thành phố,

b. Nhận xét chung:

Học sinh tham gia đầy đủ các sân chơi trí tuệ, kỹ năng, thể thao và đạt kết quả nổi bật ở nhiều cấp.

Các giải thưởng thể hiện sự quan tâm bồi dưỡng năng khiếu của nhà trường và tinh thần cố gắng của học sinh.

Nhà trường luôn duy trì vị thế trong nhóm dẫn đầu của khối tiểu học toàn thị xã về phong trào thi đua học tập và rèn luyện.

4. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường

*** Kết quả tự đánh giá:**

Hoàn thành tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục vào cuối năm 2025.

Các tiêu chí đạt tốt: Quản lý – điều hành, tổ chức hoạt động dạy học, đội ngũ, môi trường giáo dục.

Tiêu chí cần cải tiến: Ứng dụng chuyển đổi số đồng bộ, tăng cường thiết bị phục vụ dạy học STEM, mở rộng sân chơi trải nghiệm học sinh, cơ sở vật chất (thiếu phòng bộ môn, phòng chức năng và khối phụ trợ theo quy định).

*** Kết quả đánh giá ngoài:**

Dự kiến thực hiện trong chu kỳ kiểm định 2025–2026 theo kế hoạch của nhà trường. Nhà trường đã hoàn thiện hồ sơ minh chứng, tự đánh giá lại các tiêu chí theo Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

*** Các giải pháp cải tiến chất lượng đã và đang thực hiện:**

Tiếp tục nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy.

Đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất: phòng học bộ môn, thiết bị STEM, sân thể thao, thư viện thông minh.

Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa nhà trường – cha mẹ học sinh – cộng đồng trong giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

Thực hiện kiểm định chất lượng chu kỳ năm 2026, duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Kết quả giáo dục của Trường Tiểu học Phạm Như Xương năm học 2025–2026 đạt chất lượng toàn diện, học sinh tiến bộ vượt bậc, các phong trào thi đua đạt thành tích cao, nhà trường giữ vững uy tín về nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục học sinh.

III. CÔNG KHAI VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Diện tích và hạ tầng

Hạng mục	Nội dung, số liệu
Tổng diện tích khuôn viên trường	13.352 m ²
Diện tích xây dựng	1.470 m ²
Diện tích sân chơi, bãi tập, cây xanh	10.495 m ²
Tường rào, cổng ngõ, sân bê tông, bồn hoa	Được xây dựng kiên cố, đồng bộ, đảm bảo mỹ quan “Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn”.
Phòng học chính khóa	28 phòng học (đạt chuẩn diện tích, ánh sáng, thông thoáng)
Phòng bộ môn	03 phòng: Tin học, Âm nhạc, Ngoại ngữ
Phòng chức năng khác	04 phòng: Thư viện, Thiết bị, Y tế học đường và Phòng truyền thống

Hạng mục	Nội dung, số liệu
Khu hành chính – quản trị	05 phòng: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng - Kế toán, 01 phòng Văn thư, 01 phòng họp
Khu vệ sinh, nhà xe	03 khu vệ sinh riêng biệt cho GV-NV-HS; 02 nhà xe cho giáo viên, học sinh
Sân trường – lối đi – thoát nước	Đảm bảo hệ thống thoát nước, sân được lát gạch chống trơn, có cây xanh và ghế đá học sinh

Đánh giá:

Cơ sở vật chất của nhà trường chưa đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Khuôn viên trường khang trang, an toàn, thân thiện; đảm bảo tổ chức dạy học 02 buổi/ngày cho 100% học sinh.

2. Trang thiết bị dạy học, thiết bị CNTT, thư viện, khu vệ sinh

Hạng mục	Hiện trạng và ghi chú
Thiết bị dạy học tối thiểu theo Chương trình GDPT 2018	100% phòng học có đủ bảng từ, bàn ghế đạt chuẩn, hệ thống quạt, đèn, tivi, thiết bị dạy học tối thiểu các môn học.
Trang thiết bị công nghệ thông tin	28 máy tính (20 máy phục vụ học sinh học Tin học, 01 máy cho PHT, 07 máy hành chính và thiết bị trình chiếu); có hệ thống mạng Internet tốc độ cao, phủ sóng Wi-Fi toàn trường.
Thiết bị dạy học hiện đại	31 tivi thông minh, 02 loa
Phòng máy vi tính	01 phòng Tin học, 20 máy, kết nối mạng và có phần mềm học tập trực tuyến (VioEdu, Azota, VNedu).
Thư viện	Thư viện tiên tiến theo QĐ số: 690/QĐ- SGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2025. Tổng số đầu sách: 8311 bản. Có khu đọc mở, góc sản phẩm và phần mềm thư viện.
Thiết bị phòng bộ môn	Phòng Âm nhạc có đàn organ, loa, mic; Phòng Ngoại ngữ có hệ thống nghe – nói – chiếu video học tập; Phòng Tin học có phần mềm dạy học tương tác.
Khu vệ sinh, nước sạch	100% khu vệ sinh được lắp thiết bị Inox, có hệ thống nước sạch, thoát nước, có nhân viên vệ sinh hằng ngày; phân khu riêng cho HS và GV.
Nhà xe, khu ăn bán trú	Nhà xe rộng rãi, thoáng mát; khu bán trú được bố trí riêng biệt, đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh.

Đánh giá:

Trang thiết bị, cơ sở vật chất được đầu tư đồng bộ, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong trường học; đảm bảo điều kiện dạy học 2 buổi/ngày và các hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM.

3. Tình trạng sử dụng, sửa chữa, mua sắm tài sản trong năm 2026

Hạng mục	Nội dung thực hiện	Nguồn kinh phí
Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất	- Sơn vôi lại hệ thống tường rào - Sửa chữa cổng trường - Sửa chữa nhà vệ sinh giáo viên khu dãy C - Sơn vôi, thay cửa kính dãy giữa 10 phòng học - Xây bếp ăn bán trú	Kinh phí hoạt động thường xuyên + nguồn kinh phí đầu tư xây dựng của phường
Mua sắm thiết bị mới	- Lắp đặt hệ thống đèn chạy chữ Led trước cổng trường - Lắp đặt bảng chống loá khối 1 - Đóng bàn học sinh - Mua máy tính phòng tin học	Kinh phí hoạt động thường xuyên
Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ	Kiểm tra hệ thống điện, nước, Internet, phòng máy vi tính và tivi trình chiếu định kỳ quý I, II, III, IV.	Kinh phí hoạt động thường xuyên
Kinh phí dự kiến sử dụng năm 2026	Tổng kinh phí tu sửa, mua sắm, bảo trì: 615.017.000 đồng	Kinh phí hoạt động thường xuyên

Đánh giá:

Các hoạt động sửa chữa, bảo trì, mua sắm thiết bị được thực hiện đúng quy trình, có kế hoạch và dự toán được phê duyệt. Việc sử dụng kinh phí minh bạch, đúng mục đích, góp phần nâng cao điều kiện dạy học, sinh hoạt của học sinh và cán bộ, giáo viên.

Trường Tiểu học Phạm Như Xương có cơ sở vật chất khang trang, thiết bị dạy học hiện đại, thư viện đạt chuẩn xuất sắc, hạ tầng CNTT đồng bộ, môi trường học tập thân thiện – an toàn – xanh sạch đẹp. Nhà trường đang tiếp tục hoàn thiện các phòng học bộ môn, đầu tư thiết bị STEM và nâng cấp sân thể thao nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT 2018 và công tác kiểm định chất lượng chu kỳ 2025–2026.

IV. CÔNG KHAI VỀ TÀI CHÍNH

1. Dự toán thu – chi ngân sách nhà nước cấp cho trường năm 2026

Nội dung chi	Dự toán được giao (VNĐ)	Ghi chú
Tổng kinh phí ngân sách nhà nước cấp năm 2026	13.371.000.000	(ước tính)
Trong đó:		
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp cho CB-GV-NV	9.206.000.000	68,85%
- Chi hoạt động chuyên môn, giảng dạy, thiết bị, đồ dùng học tập	456.255.000	3,4%
- Chi quản lý hành chính, văn phòng phẩm, điện nước, công tác phí	345.104.000	2,5%
- Chi bảo trì, mua sắm tài sản, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất, thiết bị	615.017.000	4,5%
- Chi khen thưởng, phúc lợi, các hoạt động phong trào	400.624.000	2,9%
- Chi đặc thù khác, chi phí thuê mướn khác	317.485.000	2,3%
-Chi khen thưởng theo ND 73/ND-CP	450.280.000	3,3%
-Chi CNTT theo NQ 52 TP Đà Nẵng	1.580.235.000	11,81%
Tổng cộng	13.371.000.000	100%

Nhận xét:

Nguồn ngân sách được sử dụng đúng quy định, đảm bảo chi trả đầy đủ chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và duy trì tốt các hoạt động dạy học – quản lý.

Công tác lập dự toán, phân bổ, và sử dụng kinh phí thực hiện đúng nguyên tắc công khai, minh bạch, có kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước.

2. Các khoản thu, chi theo quy định và thỏa thuận với phụ huynh

a. Các khoản thu theo quy định của Nhà nước:

Nội dung thu	Mức thu (VNĐ/học sinh/tháng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Học phí	Miễn 100% (theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP – cấp tiểu học công lập không thu học phí)	Nghị định 81/2021/NĐ-CP	
Bảo hiểm y tế học sinh	631.800/năm	Quy định của BHXH Việt Nam	100% HS tham gia

Nội dung thu	Mức thu (VNĐ/học sinh/tháng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Dịch vụ bán trú (nếu có)	640.000/tháng (20 ngày học/tháng)	Theo thỏa thuận phụ huynh	Áp dụng cho HS bán trú
Tiền ăn (nếu có)	Theo đơn giá thực tế từng bữa ăn	Thỏa thuận phụ huynh – đơn vị cung cấp	Thu, chi hộ – không hạch toán vào NSNN

b. Các khoản thu thỏa thuận và sử dụng:

Khoản thu	Mục đích sử dụng	Mức thu/nguồn
Quỹ lớp	Trang trí lớp học, hỗ trợ học sinh khó khăn, khuyến học	Thu, chi công khai theo lớp, theo thỏa thuận của phụ huynh lớp
Xã hội hóa giáo dục (nếu có)	Bổ sung thiết bị dạy học, xích đu, cây xanh	Tự nguyện – không bắt buộc

Nguyên tắc thực hiện:

- Tất cả các khoản thu, chi đều công khai, có biên lai, được ghi nhận và quyết toán hàng năm.
- Nhà trường không thu thêm bất kỳ khoản nào ngoài quy định của cơ quan quản lý cấp trên.
- Việc thỏa thuận các khoản thu đều được thông qua cuộc họp CMHS, có biên bản và thống nhất tự nguyện.

3. Các khoản tài trợ, viện trợ, ủng hộ và việc sử dụng

Nguồn tài trợ/ủng hộ	Hình thức – Mục đích sử dụng	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
Phụ huynh học sinh (theo lớp)			Xã hội hóa tự nguyện
Doanh nghiệp địa phương			Tài trợ không hoàn lại
Mạnh thường quân ủng hộ 5 máy tính	Bổ sung máy phòng Tin học		Xã hội hóa tự nguyện
Tổng giá trị tài trợ, ủng hộ năm 2026	5 máy tính		

Báo cáo và sử dụng:

- Tất cả các khoản tài trợ được lập biên bản ghi nhận, hạch toán, và sử dụng đúng mục đích.

- Kết quả sử dụng tài trợ được công khai tại cuộc họp CMHS và niêm yết tại bảng tin trường.

- Không có khoản tài trợ bắt buộc hay huy động trái quy định.

4. Kết quả quyết toán tài chính năm 2025

Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
Tổng thu thực tế	11.007.864.605	Bao gồm NSNN và các nguồn khác
Tổng chi thực tế	11.002.864.605	Đã quyết toán với Kho bạc Nhà nước
Chênh lệch thu – chi (số dư cuối năm)	5.000.000	Kết chuyển sang năm 2026
Nguồn quỹ còn lại (phúc lợi, khen thưởng, xã hội hóa)	0	Chi theo kế hoạch, công khai minh bạch

Công tác kiểm tra, thanh tra:

- Nhà trường đã gửi báo cáo quyết toán kinh phí năm 2025 đến phòng Kinh tế Hạ tầng - đô thị phường Điện Bàn Đông

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kế toán, Hiệu trưởng và Kho bạc Nhà nước phê duyệt, lưu hồ sơ đầy đủ.

Công tác tài chính của Trường Tiểu học Phạm Như Xương được quản lý công khai, minh bạch, đúng quy định; sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội hóa để nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, thiết bị và hoạt động giáo dục.

Nhà trường tuyệt đối không lạm thu, đảm bảo quyền lợi học sinh và uy tín của đơn vị.

V. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức công khai

Niem yết công khai tại bảng tin của trường (phòng hiệu bộ, phòng hội trường)

Đăng tải trên website trường, mục “Công khai – Minh bạch”

Cung cấp bản in cho phụ huynh trong các cuộc họp đầu năm, họp lớp, hoặc họp phụ huynh

2. Thời điểm công khai

Trước ngày 30/6 hằng năm: công khai thông tin chung, cơ sở vật chất, tài chính, kết quả kiểm định, kết quả giáo dục.

Trước ngày 31/12 hằng năm: công khai báo cáo thường niên và kết quả hoạt động của năm học.

Cập nhật thông tin công khai ngay khi có thay đổi trong năm học (ví dụ: thay đổi cơ sở vật chất, tài chính, nhân sự)

Trên đây là toàn bộ nội dung công khai thời điểm trước ngày 30/6/2026 của Trường Tiểu học Phạm Như Xương. Nhà trường cam kết thực hiện đúng theo quy định của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, đảm bảo công khai minh bạch, sẵn sàng cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và các cơ quan quản lý khi có yêu cầu./.

Nơi nhận:

- CBGVNV;
- Đăng tải trên website của trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Diệu Hương